TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 131/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong

1. Ông Nguyễn Văn Soan.

2. Bà Võ Thị Mai

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Duy Bảo Chinh. – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 1448/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 509/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1963;
Địa chỉ: Đường B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm: 1962;
Địa chỉ: Đường B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2022, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T với ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/1987, ngày 02 tháng 01 năm 1987. Quá trình chung sống, đôi bên thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do quan niệm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ để ổn định cuộc sống.

Trong thời gian chung sống bà T, ông Đ có ba (03) con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 14/10/1987, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 09/12/1995 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày: 03/01/1990 (cả ba con đã trưởng thành).

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà T xin tự thỏa thuận.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà T, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập cho ông Đ tới Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông Đ tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt không lý do cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn và trình bày về con chung theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ là quan hệ tranh chấp về hôn

nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Như vậy vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Đ không tới Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng đã thể hiện ông Đ không mong muốn đoàn tụ với bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung bà T xác nhận có ba (03) con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 14/10/1987, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 09/12/1995 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày: 03/01/1990 (cả ba con đã trưởng thành).

[2.3] Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét những vấn đề này.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đ, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông Đ, quan hệ hôn nhân chấm dứt ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: có ba (03) con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 14s/10/1987, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 09/12/1995 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày: 03/01/1990 (cả ba con đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều

228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/1987, ngày 02 tháng 01 năm 1987 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có ba (03) con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 14/10/1987, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 09/12/1995 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày: 03/01/1990 (cả ba con đã thành niên).

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0049353 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. bà T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thành Phong